BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Grammar 1 - 1105007

Mã lớp học phần: 110500702 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy:

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1310130105	Nguyễn Đông Thy	An	30/10/1995		5,1	Năm một	C15TA2	
2	1310130006	Huỳnh Tuấn	Anh	21/10/1994		4,1	Bốn một	C15TA2	
3	1310130090	Lê Thị Hồng	Ánh	01/10/1995		2,6	Hai sáu	C15TA2	
4	1310130015	Nguyễn Thị Minh	Châu	25/01/1994		3,5	Ba năm	C15TA2	
5	1310130044	Đỗ Thị Kim	Chi	12/11/1994		1,8	Một tám	C15TA2	
6	1310130117	Phạm Thị Mỹ	Chi	14/03/1995		4,5	Bốn năm	C15TA2	
7	1310130101	Nguyễn Thị	Chung	17/12/1994		4,0	Bốn chẵn	C15TA2	
8	1310130099	Trần Ngọc	Diễm	30/12/1995		4,5	Bốn năm	C15TA2	
9	1310130107	Phạm Ngọc	Dung	16/08/1993				C15TA2	
10	1310130113	Trần Thị Kim	Đoan	09/03/1995		4,0	Bốn chẵn	C15TA2	
11	1310130047	Nguyễn Thị Thanh	Hiếu	12/09/1995		3,0	Ba chẵn	C15TA2	
12	1310130083	Lê Thị Trang Nhật	Ký	27/03/1994				C15TA2	
13	1310130016	Nguyễn Quế	Lam	03/07/1995		4,2	Bốn hai	C15TA2	
14	1310130084	Nguyễn Thị Phương	Linh	01/9/1994		4,8	Bốn tám	C15TA2	
15	1310130065	Nguyễn Hoàng	Long	31/03/1995		7,9	Bảy chín	C15TA2	
16	1310130097	Lê Huế	Minh	28/01/1995		3,8	Ba tám	C15TA2	
17	1310130075	Trần Gia	Minh	01/06/1994		3,5	Ba năm	C15TA2	
18	1310130082	Ngô Thị	Ngọc	26/04/1995		2,5	Hai năm	C15TA2	
19	1310130114	Vương Hồng	Ngọc	09/10/1992		7,4	Bảy bốn	C15TA2	
20	1310130030	Trần Thúy	Nhi	07/03/1995		2,0	Hai chẵn	C15TA2	
21	1310130094	Võ Tuyết	Nhi	12/03/1995		3,0	Ba chẵn	C15TA2	
22	1310130036	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	08/12/1994		2,0	Hai chẵn	C15TA2	
23	1310130076	Trần Thị Huỳnh	Như	05/09/1995		6,8	Sáu tám	C15TA2	
24	1310130053	Đặng Hồng	Nương	12/06/1992		2,6	Hai sáu	C15TA2	
25	1310130087	Nguyễn Hồng	Phúc	24/6/1995		2,3	Hai ba	C15TA2	
26	1310130072	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	10/03/1995		2,7	Hai bảy	C15TA2	
27	1310130020	Phạm Thị Mỹ	Phúc	29/10/1995		4,0	Bốn chẵn	C15TA2	
28	1310130112	Đỗ Thị Kim	Phụng	21/12/1995		5,6	Năm sáu	C15TA2	
29	1310130048	Lê Nguyễn Hoài	Phương	10/09/1995		3,7	Ba bảy	C15TA2	
30	1310130055	Trần Nguyễn Nhật	Phương	21/12/1995		5,3	Năm ba	C15TA2	
31	1310130012	Võ Thị Hồng	Phước	19/02/1995		3,8	Ba tám	C15TA2	
32	1310130054	Nguyễn Hoàng Nhật	Quyên	21/12/1994				C15TA2	
33	1310130031	Võ Thị Kim	Quyên	19/12/1995		2,0	Hai chẵn	C15TA2	
34	1310130029	Trần Ngọc Diễm	Quỳnh	12/08/1995		1,7	Một bảy	C15TA2	

	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
	1310130007	Nguyễn Thị Thu	**Sương**	30/07/1995				C15TA2	
	1310130063	Trần Tuấn	**Thanh**	20/06/1994		4,6	Bốn sáu	C15TA2	
37	1310130026	Cao Lương Việt	**Thắng**	27/08/1995		1,6	Một sáu	C15TA2	
38	1310130071	Nguyễn Thị	**Thân**	20/03/1994				C15TA2	
39	1310130106	Phan Thị Chiêu Minh	**Thụy**	01/07/1995		5,1	Năm một	C15TA2	
40	1310130051	Nguyễn Phan Hoài	**Thương**	10/09/1995		4,6	Bốn sáu	C15TA2	
41	1310130095	Hoàng Thị Thủy	**Tiên**	17/04/1995				C15TA2	
42	1310130069	Văn bảo	**Tiên**	30/10/1995		3,7	Ba bảy	C15TA2	
43	1310130085	Trần Minh	**Toàn**	04/8/1994		3,8	Ba tám	C15TA2	
44	1310130002	Đặng Hoàng Thanh	**Trang**	21/10/1995		4,0	Bốn chẵn	C15TA2	
45	1310130092	Nguyễn Thị Bích	**Trâm**	24/3/1995		6,4	Sáu bốn	C15TA2	
46	1310130119	Lê Thị Hồng	**Trinh**	27/01/1994		3,7	Ba bảy	C15TA2	
47	1310130089	Bùi Quốc	**Tuấn**	19/4/1994		1,5	Một năm	C15TA2	
48	1310130034	Lê Thanh	**Tú**	21/03/1995		1,2	Một hai	C15TA2	
49	1310130041	Nguyễn Lê Mỹ	**Vân**	01/03/1995		3,1	Ba một	C15TA2	
50	1310130024	Lê Quân Đắc	**Vinh**	22/10/1995		2,9	Hai chín	C15TA2	
51	1310130056	Trương Thị Diễm	**Xuân**	27/06/1995		5,8	Năm tám	C15TA2	
52	1310130025	Đỗ Thị Kim	**Xuyến**	15/10/1995		4,1	Bốn một	C15TA2	
53	1310130074	Nguyễn Thị Ngọc	**Yến**	27/01/1995		2,2	Hai hai	C15TA2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Grammar 1 - 1105007 — Giám thị 1: Q. Minh — Ký tên:
Mã lớp học phần: 110500702 — **Số tín chỉ: 3** — Giám thị 2: Thái Kiều Hà — Ký tên:
Giảng viên giảng dạy: — Giám thị 3: — Ký tên:
Ngày thi: 7/1/2014 **Giờ thi:** 15h **Phòng thi:** A1.12 — Giám thị 4: — Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1310130105	Nguyễn Đông Thy	**An**	30/10/1995			4.3	Bốn ba	C15TA2	
2	1310130006	Huỳnh Tuấn	**Anh**	21/10/1994			3,5	Ba năm	C15TA2	
3	1310130090	Lê Thị Hồng	**Ánh**	01/10/1995			2,4	Hai bốn	C15TA2	
4	1310130015	Nguyễn Thị Minh	**Châu**	25/01/1994			2,7	Hai bảy	C15TA2	
5	1310130044	Đỗ Thị Kim	**Chi**	12/11/1994			2,1	Hai một	C15TA2	
6	1310130117	Phạm Thị Mỹ	**Chi**	14/03/1995			3.4	Ba bốn	C15TA2	
7	1310130101	Nguyễn Thị	**Chung**	17/12/1994			3.2	Ba hai	C15TA2	
8	1310130099	Trần Ngọc	**Diễm**	30/12/1995			2.4	Hai bốn	C15TA2	
9	1310130107	Phạm Ngọc	**Dung**	16/08/1993					C15TA2	V
10	1310130113	Trần Thị Kim	**Đoan**	09/03/1995			2,8	Hai tám	C15TA2	
11	1310130047	Nguyễn Thị Thanh	**Hiếu**	12/09/1995			1,6	Một sáu	C15TA2	
12	1310130083	Lê Thị Trang Nhật	**Ký**	27/03/1994					C15TA2	V
13	1310130016	Nguyễn Quế	**Lam**	03/07/1995			2,3	Hai ba	C15TA2	
14	1310130084	Nguyễn Thị Phương	**Linh**	01/9/1994			5,0	Năm không	C15TA2	
15	1310130065	Nguyễn Hoàng	**Long**	31/03/1995			7,4	Bảy bốn	C15TA2	
16	1310130097	Lê Huế	**Minh**	28/01/1995			4.0	Bốn không	C15TA2	
17	1310130075	Trần Gia	**Minh**	01/06/1994			4,0	Bốn không	C15TA2	
18	1310130082	Ngô Thị	**Ngọc**	26/04/1995			2,0	Hai không	C15TA2	
19	1310130114	Vương Hồng	**Ngọc**	09/10/1992			5.9	Năm chín	C15TA2	
20	1310130030	Trần Thúy	**Nhi**	07/03/1995			1,7	Một bảy	C15TA2	
21	1310130094	Võ Tuyết	**Nhi**	12/03/1995			2,8	Hai tám	C15TA2	
22	1310130036	Nguyễn Thị Quỳnh	**Như**	08/12/1994			2,2	Hai hai	C15TA2	
23	1310130076	Trần Thị Huỳnh	**Như**	05/09/1995			2,4	Hai bốn	C15TA2	
24	1310130053	Đặng Hồng	**Nương**	12/06/1992			0,9	Không chín	C15TA2	
25	1310130087	Nguyễn Hồng	**Phúc**	24/6/1995			2,6	Hai sáu	C15TA2	
26	1310130072	Nguyễn Thị Hồng	**Phúc**	10/03/1995			1,1	Một một	C15TA2	
27	1310130020	Phạm Thị Mỹ	**Phúc**	29/10/1995			2,1	Hai một	C15TA2	
28	1310130112	Đỗ Thị Kim	**Phụng**	21/12/1995			4,5	Bốn năm	C15TA2	
29	1310130048	Lê Nguyễn Hoài	**Phương**	10/09/1995			2,4	Hai bốn	C15TA2	
30	1310130055	Trần Nguyễn Nhật	**Phương**	21/12/1995			4.3	Bốn ba	C15TA2	
31	1310130012	Võ Thị Hồng	**Phước**	19/02/1995			5,3	Năm ba	C15TA2	
32	1310130054	Nguyễn Hoàng Nhật	**Quyên**	21/12/1994			3,3	Ba ba	C15TA2	
33	1310130031	Võ Thị Kim	**Quyên**	19/12/1995			1,4	Một bốn	C15TA2	
34	1310130029	Trần Ngọc Diễm	**Quỳnh**	12/08/1995			1,2	Một hai	C15TA2	

	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
	1310130007	Nguyễn Thị Thu	**Sương**	30/07/1995				C15TA2	
	1310130063	Trần Tuấn	**Thanh**	20/06/1994		4,6	Bốn sáu	C15TA2	
37	1310130026	Cao Lương Việt	**Thắng**	27/08/1995		1,6	Một sáu	C15TA2	
38	1310130071	Nguyễn Thị	**Thân**	20/03/1994				C15TA2	
39	1310130106	Phan Thị Chiêu Minh	**Thụy**	01/07/1995		5,1	Năm một	C15TA2	
40	1310130051	Nguyễn Phan Hoài	**Thương**	10/09/1995		4,6	Bốn sáu	C15TA2	
41	1310130095	Hoàng Thị Thủy	**Tiên**	17/04/1995				C15TA2	
42	1310130069	Văn bảo	**Tiên**	30/10/1995		3,7	Ba bảy	C15TA2	
43	1310130085	Trần Minh	**Toàn**	04/8/1994		3,8	Ba tám	C15TA2	
44	1310130002	Đặng Hoàng Thanh	**Trang**	21/10/1995		4,0	Bốn chẵn	C15TA2	
45	1310130092	Nguyễn Thị Bích	**Trâm**	24/3/1995		6,4	Sáu bốn	C15TA2	
46	1310130119	Lê Thị Hồng	**Trinh**	27/01/1994		3,7	Ba bảy	C15TA2	
47	1310130089	Bùi Quốc	**Tuấn**	19/4/1994		1,5	Một năm	C15TA2	
48	1310130034	Lê Thanh	**Tú**	21/03/1995		1,2	Một hai	C15TA2	
49	1310130041	Nguyễn Lê Mỹ	**Vân**	01/03/1995		3,1	Ba một	C15TA2	
50	1310130024	Lê Quân Đắc	**Vinh**	22/10/1995		2,9	Hai chín	C15TA2	
51	1310130056	Trương Thị Diễm	**Xuân**	27/06/1995		5,8	Năm tám	C15TA2	
52	1310130025	Đỗ Thị Kim	**Xuyến**	15/10/1995		4,1	Bốn một	C15TA2	
53	1310130074	Nguyễn Thị Ngọc	**Yến**	27/01/1995		2,2	Hai hai	C15TA2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần*